



Phụ lục I
MỨC TRỢ CẤP, PHỤ CẤP ƯU ĐÃI
ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG
(Kèm theo Nghị định số 58/2019/NĐ-CP
ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ)

Đơn vị tính: nghìn đồng

A. MỨC TRỢ CẤP, PHỤ CẤP ƯU ĐÃI HÀNG THÁNG			
TT	Đối tượng người có công	Mức trợ cấp, phụ cấp	
		Trợ cấp	Phụ cấp
1	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945:		
	- Diện thoát ly	1.815	308/1 thâm niên
	- Diện không thoát ly	3.081	
	- Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 từ trần	1.624	
	- Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 18 tuổi trở lên sống cô đơn không nơi nương tựa hoặc con dưới 18 tuổi mồ côi cả cha mẹ đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng được hưởng thêm trợ cấp tiền tuất nuôi dưỡng	1.299	
2	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945	1.679	
	- Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 từ trần	911	
	- Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 18 tuổi trở lên sống cô đơn không nơi nương tựa hoặc con dưới 18 tuổi mồ côi cả cha mẹ đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng được hưởng thêm trợ cấp tiền tuất nuôi dưỡng	1.299	
3	Thân nhân liệt sĩ:		
	- Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của 1 liệt sĩ	1.624	
	- Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của 2 liệt sĩ	3.248	
	- Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của 3 liệt sĩ trở lên	4.872	
	- Trợ cấp tiền tuất đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc lấy vợ khác (diện không hưởng thêm trợ cấp tiền tuất nuôi dưỡng)	1.624	
	- Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, người có công nuôi dưỡng liệt sĩ, con từ đủ 18 tuổi trở lên sống cô đơn không nơi nương tựa hoặc con dưới 18 tuổi mồ côi cả cha mẹ đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng được hưởng thêm trợ cấp tiền tuất nuôi dưỡng	1.299	

4	- Bà mẹ Việt Nam anh hùng (hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng theo mức trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân liệt sĩ quy định tại mục 3)		1.361
	- Người phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng sống ở gia đình	1.624	
5	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến	1.361	
6	- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (sau đây gọi chung là thương binh) - Thương binh loại B	Phụ lục II Phụ lục III	
	- Thương binh, thương binh loại B suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên		815
	- Thương binh, thương binh loại B suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng		1.670
	- Người phục vụ thương binh, thương binh loại B ở gia đình:		
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên	1.624	
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng	2.086	
	- Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của thương binh, thương binh loại B suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên từ trần	911	
	- Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 18 tuổi trở lên sống cô đơn không nơi nương tựa hoặc con dưới 18 tuổi mồ côi cả cha mẹ đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng được hưởng thêm trợ cấp tiền tuất nuôi dưỡng	1.299	
7	- Bệnh binh:		
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 41% - 50%	1.695	
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 51% - 60%	2.112	
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 61% - 70%	2.692	
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 71% - 80%	3.103	
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 81% - 90%	3.714	
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 91% - 100%	4.137	
	+ Bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên		815
	+ Bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng		1.624
	- Người phục vụ bệnh binh ở gia đình:		
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên	1.624	
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng	2.086	
	- Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên từ trần	911	

	- Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 18 tuổi trở lên sống cô đơn không nơi nương tựa hoặc con dưới 18 tuổi mồ côi cả cha mẹ đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng được hưởng thêm trợ cấp tiền tuất nuôi dưỡng	1.299	
8	- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học:		
	+ Bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 21% - 40%	1.234	
	+ Bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 41% - 60%	2.062	
	+ Bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 61% - 80%	2.891	
	+ Bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên	3.703	
	+ Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên		815
	+ Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng		1.624
	- Người phục vụ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên sống ở gia đình	1.624	
	- Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên từ trần	911	
	- Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 18 tuổi trở lên sống cô đơn không nơi nương tựa hoặc con dưới 18 tuổi mồ côi cả cha mẹ đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng được hưởng thêm trợ cấp tiền tuất nuôi dưỡng	1.299	
	- Con đẻ còn sống của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học:		
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%	974	
	+ Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên	1.624	
9	Người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	974	
10	- Người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" và người có công giúp đỡ cách mạng trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước"		
	+ Trợ cấp hàng tháng	1.624	
	+ Trợ cấp nuôi dưỡng (hưởng thêm nếu đang sống cô đơn không nơi nương tựa)	1.299	
	- Người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến và người có công giúp đỡ cách mạng trong gia đình được tặng Huân chương kháng chiến		
	+ Trợ cấp hàng tháng	955	
	+ Trợ cấp nuôi dưỡng (hưởng thêm nếu đang sống cô đơn không nơi nương tựa)	1.299	

11	Trợ cấp ưu đãi hàng tháng tại các trường đào tạo, trường phổ thông dân tộc nội trú:		
	- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; thương binh, thương binh loại B; con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; con của liệt sĩ; con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của thương binh, thương binh loại B, con của bệnh binh, con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên	1.624	
	- Con của thương binh, thương binh loại B suy giảm khả năng lao động từ 21% đến 60%; con của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% đến 60%; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học suy giảm khả năng lao động từ 21% đến 60%	815	

B. MỨC TRỢ CẤP ƯU ĐÃI HÀNG NĂM

TT	Đối tượng người có công	Mức trợ cấp
1	Liệt sĩ không còn người hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng thì người thờ cúng liệt sĩ được hưởng trợ cấp thờ cúng	500
2	Trợ cấp ưu đãi đối với con của người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng không hưởng lương hoặc sinh hoạt phí khi đi học tại:	
	- Cơ sở giáo dục mầm non	200
	- Cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường dự bị đại học, trường năng khiếu, trường lớp dành cho người tàn tật, khuyết tật	250
	- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, phổ thông dân tộc nội trú	300
3	Trợ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng không hưởng lương hoặc sinh hoạt phí khi đi học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học	300

C. MỨC TRỢ CẤP ƯU ĐÃI MỘT LẦN

TT	Đối tượng người có công	Mức trợ cấp
1	- Trợ cấp một lần khi báo tử liệt sĩ	20 lần mức chuẩn
	- Hỗ trợ chi phí báo tử	1.000

2	- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995.	20 lần mức chuẩn
	- Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến được truy tặng	20 lần mức chuẩn
3	Người bị thương suy giảm khả năng lao động từ 5% - 20%:	
	- Suy giảm khả năng lao động từ 5% - 10%	4 lần mức chuẩn
	- Suy giảm khả năng lao động từ 11% - 15%	6 lần mức chuẩn
	- Suy giảm khả năng lao động từ 16% - 20%	8 lần mức chuẩn
4	Trợ cấp đối với thân nhân người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	1,5 lần mức chuẩn
5	Người hoạt động kháng chiến (Trợ cấp tính theo thâm niên kháng chiến)	120/1 thâm niên
6	Người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Huy chương Kháng chiến và người có công giúp đỡ cách mạng trong gia đình được tặng Huy chương Kháng chiến	1.000
7	Trợ cấp đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng Huân chương, Huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995	1.000
8	Bảo hiểm y tế	Theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế
9	Mai táng phí	Theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội

STT	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động	Mức trợ cấp	STT	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động	Mức trợ cấp
41	61%	3.174.000	61	81%	4.216.000
42	62%	3.229.000	62	82%	4.270.000
43	63%	3.278.000	63	83%	4.322.000
44	64%	3.332.000	64	84%	4.372.000
45	65%	3.383.000	65	85%	4.426.000
46	66%	3.437.000	66	86%	4.476.000
47	67%	3.488.000	67	87%	4.527.000
48	68%	3.541.000	68	88%	4.580.000
49	69%	3.593.000	69	89%	4.635.000
50	70%	3.644.000	70	90%	4.688.000
51	71%	3.694.000	71	91%	4.737.000
52	72%	3.748.000	72	92%	4.788.000
53	73%	3.803.000	73	93%	4.842.000
54	74%	3.853.000	74	94%	4.891.000
55	75%	3.906.000	75	95%	4.947.000
56	76%	3.957.000	76	96%	4.998.000
57	77%	4.009.000	77	97%	5.048.000
58	78%	4.059.000	78	98%	5.102.000
59	79%	4.112.000	79	99%	5.154.000
60	80%	4.164.000	80	100%	5.207.000